



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Ngoại ngữ - Sư phạm
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Mã ngành: 7220201
Chuyên Ngành: Ngôn ngữ Anh
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	ĐA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
1. Khối kiến thức cơ bản														
Nhóm học phần bắt buộc														
1	200101	Triết học Mác Lênin	3	45	45	0	0	0	0	1	1			
2	202501	Giáo dục thể chất 1*	1	45	0	0	45	0	0	1	1			
3	202622	Pháp luật đại cương	2	30	30	0	0	0	0	1	1			
4	200102	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	2	30	30	0	0	0	0	1	2	200101		
5	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3	45	45	0	0	0	0	1	2			
6	200202	Quân sự 2 (thực hành)*	3	90	0	90	0	0	0	1	2			
7	202502	Giáo dục thể chất 2*	1	45	0	0	45	0	0	1	2	202501		
8	200103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0	0	0	0	2	1			
9	213105	Academic Listening	3	45	45	0	0	0	0	2	1	213137		
10	213108	Academic speaking (A)	3	45	45	0	0	0	0	2	1	213137	213106	
11	213111	Academic reading	3	45	45	0	0	0	0	2	1	213110	213109	
12	214103	Tin học đại cương*	3	60	30	30	0	0	0	2	1			
13	202602	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
14	213117	The Art of public speaking	2	30	30	0	0	0	0	2	2	213108	213137	
15	213120	Theory of Translation	3	45	45	0	0	0	0	2	2			
16	213402	Introduction to Linguistics	2	30	30	0	0	0	0	2	2	213111 213115		
17	213411	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0	0	0	0	2	2			
18	200105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0	0	0	0	3	1			
19	213114	Academic writing	3	45	45	0	0	0	0	3	1	213119	213113	



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Ngoại ngữ - Sư phạm

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

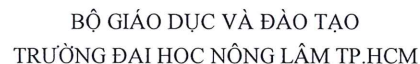
Ngành: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

Chuyên Ngành: Ngôn ngữ Anh

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiên quyết	Song hành
20	213403	Phonology	2	30	30	0	0	0	0	3	1	213402		
21	213405	Morphology	2	30	30	0	0	0	0	3	1	213402		213403
22	213408	Introduction to Literature	2	30	30	0	0	0	0	3	1	213111		
23	213404	Syntax (A)	3	45	45	0	0	0	0	3	2	213402 213405		
24	213409	British Studies (A)	2	30	30	0	0	0	0	3	2	213111		
25	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0	0	0	0	4	1			
26	213406	Semantics (A)	2	30	30	0	0	0	0	4	1	213405	213402	
27	213410	American studies (A)	2	30	30	0	0	0	0	4	1	213111		
28	213415	British Literature	3	45	45	0	0	0	0	4	1	213409	213408	
29	213412	American Literature (A)	3	45	45	0	0	0	0	4	2	213410	213408	
Cộng			68	1140	930	120	90	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0101 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	202609	Logic học	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
2	212110	Khoa học môi trường	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
3	213414	Lịch sử văn minh Phương Đông	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
4	213413	Lịch sử Văn Minh Phương Tây	2	30	30	0	0	0	0	1	2			
Cộng			8	120	120	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0102 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	213801	Tiếng Pháp 1	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
2	213817	Ngoại ngữ 2 - Nhật 1 (*)	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
3	213820	Ngoại ngữ 2 - Trung 1 (*)	3	45	45	0	0	0	0	2	1			
Cộng			9	135	135	0	0	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Khoa đào tạo: Ngoại ngữ - Sư phạm

Mã ngành: 7220201

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Chuyên Ngành: Ngôn ngữ Anh

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

Trang 3 / 6



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Ngoại ngữ - Sư phạm
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Mã ngành: 7220201
Chuyên Ngành: Ngôn ngữ Anh
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
8	213137	Listening & Speaking 2	3	45	45	0	0	0	0	1	2	213103 213106		
9	213113	Writing 2	2	30	30	0	0	0	0	2	1	213112		
10	213119	Writing 3	3	45	45	0	0	0	0	2	2	213113		
Cộng			22	330	330	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0201 - Phải đạt tối thiểu : 2 TC														
1	213121	Translation E-V	2	30	30	0	0	0	0	3	1	213120		
2	213122	Translation V-E	2	30	30	0	0	0	0	3	1	213120		
Cộng			4	60	60	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0202 - Phải đạt tối thiểu : 6 TC														
1	213123	Interpretation E-V	2	30	30	0	0	0	0	3	2	213121		
2	213124	Interpretation V-E	2	30	30	0	0	0	0	3	2	213122		
3	213128	Technology in Teaching English	2	30	30	0	0	0	0	3	2	213126		
4	213706	Public Relations	3	45	45	0	0	0	0	4	1			
5	213707	Organizational Behavior	3	45	45	0	0	0	0	4	1			
6	213708	Human Resource Management	3	45	45	0	0	0	0	4	1			
Cộng			15	225	225	0	0	0	0					



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNL-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)

Khoa đào tạo: Ngoại ngữ - Sư phạm

Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136

Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Ngôn ngữ Anh

Mã ngành: 7220201

Chuyên Ngành: Ngôn ngữ Anh

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiêu quyết	Song hành
3. Khối kiến thức chuyên ngành														
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0301 - Phải đạt tối thiểu : 12 TC														
1	213125	Educational Psychology (A) ***	3	45	45	0	0	0	0	3	1			
2	213126	TESOL Methodology 1 ***	3	45	45	0	0	0	0	3	1	213119	213115 213108	213114
3	213127	TESOL Methodology 2 (A) ***	3	45	45	0	0	0	0	3	2	213126		
4	213132	Classroom Observation ***	3	45	45	0	0	0	0	3	2	213127	213126	
5	213701	Business English 1 **	3	45	45	0	0	0	0	3	2			
6	213703	Business Communication 1 (A) **	3	45	45	0	0	0	0	3	2			
7	213702	Business English 2 **	3	45	45	0	0	0	0	4	1	213701		
8	213704	Business Communication 2 (A) **	3	45	45	0	0	0	0	4	1	213703		
Cộng			24	360	360	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0302 - Phải đạt tối thiểu : 3 TC														
1	213133	Teaching Practice (A) ***	3	45	45	0	0	0	0	4	2	213132	213125 213127	
2	213705	Principles of management (A) **	3	45	45	0	0	0	0	4	2	213704 213702		
Cộng			6	90	90	0	0	0	0					
Nhóm học phần bắt buộc tự chọn 0303 - Phải đạt tối thiểu : 10 TC														
1	213901	Tích hợp năng lực Tiếng Anh 1 (A)	4	60	60	0	0	0	0	4	2	213108 213105		
2	213903	Tích hợp năng lực Tiếng Anh 3 (A)	3	45	45	0	0	0	0	4	2	213114 213111		



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 2024

(Ban hành theo quyết định số: 3319/QĐ-ĐHNH-ĐT, ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng)

Bậc hệ: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Ngoại ngữ - Sư phạm
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 136
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

Ngành: Ngôn ngữ Anh
Mã ngành: 7220201
Chuyên Ngành: Ngôn ngữ Anh
Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	Học kỳ	Học trước	Tiền quyết	Song hành
3	213904	Tích hợp năng lực Tiếng Anh 2	3	45	45	0	0	0	0	4	2	213114 213111		
4	213905	Khóa luận tốt nghiệp	10	150	0	0	0	0	150	4	2			
5	213909	Tiểu luận tốt nghiệp	5	75	0	0	0	75	0	4	2			
Cộng			25	375	150	0	0	75	150					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc: 90

Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn: 46

Nhóm tốt nghiệp có 03 lựa chọn:

1. Khóa luận tốt nghiệp: 10 TC

2. Tiểu luận tốt nghiệp : 05 TC + phải đạt thêm 05 TC thuộc nhóm tự chọn 0303

3. Các học phần thay thế tốt nghiệp : 10 TC thuộc nhóm tự chọn 0303

(*) Học phần điều kiện, bắt buộc sinh viên phải đạt từ điểm 5,0 trở lên nhưng không tham gia vào điểm trung bình chung tích lũy

(**) Dành cho sinh viên có định hướng Tiếng Anh Quản lý

(***) Dành cho sinh viên có định hướng Tiếng Anh Giảng dạy

(A) Học phần cốt lõi, bắt buộc sinh viên phải đạt từ điểm C trở lên (tương đương từ điểm 2 hệ 4 hoặc 5,5 trở lên theo thang điểm 10)

Lưu ý: Ngoài số 136 tín chỉ nêu trên, sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra Tin học theo quy định của Nhà Trường

Cấp độ CEFR	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
A2	DEL F A2	HSK cấp độ 2	JLPT N3



PGS.TS. Nguyễn Tất Toàn

Trưởng Phòng Đào Tạo

TS. Võ Thái Dân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Trưởng Khoa/ Bộ môn

Th.S. Đào Đức Tuyên